TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2021/DS–ST
Ngày: 21 - 5 - 2021
V/v "*Tranh chaáp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Thảo**
2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- Thư ký Toà án: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thuỳ Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 343/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2020, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365B/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021, Thông báo mở lại phiên toà số 442B/2021/TB-TA ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị G** – Sinh năm 1957 (có mặt)
Địa chỉ: Khu vực P 2, phường T, quận N, thành phố C.
Bị đơn: Ông **Lê Minh N,** Bà **Trần Bảo T** (đều vắng mặt)
Cư trú: Khu vực P1, phường T, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị G trình bày:

Vào năm 2017, bà Phạm Thị G có cho vợ chồng ông Lê Minh N và bà Trần Bảo T vay số tiền 75.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất thoả thuận, thời hạn vay là 05 – 06 tháng sau sẽ trả hết nợ. Sau khi vay, ông N và bà T có đóng tiền lãi vài tháng (không nhớ rõ số tiền), rồi sau đó ngưng không trả thêm bất cứ khoản nào.

Bà G có nhiều lần đến đòi vợ chồng ông N, bà T trả nợ nhưng họ cứ hẹn lần mà không trả. Đến ngày 26/11/2019, bà T có viết giấy cam kết sẽ trả dần cho bà G mỗi tháng 6.000.000 đồng chia làm 03 đợt (cứ 10 ngày trả 2.000.000 đồng). Nhưng sau khi cam kết, ông N và bà T vẫn không thực hiện. Tại biên bản hoà

giải ở khu vực P1 – phường T ngày 26/5/2020, bà T hứa trả cho bà G mỗi ngày 20.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng bà G không đồng ý với phương thức trả như vậy.

Do đó, bà G khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Bảo T và ông Lê Minh N có trách nhiệm liên đới trả cho bà G số tiền vay nợ gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi 02%/ tháng kể từ ngày 26/11/2019 cho đến ngày xét xử vụ án.

Tại phiên toà, bà G chỉ yêu cầu ông N và bà T trả số nợ gốc là 75.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

* Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Minh N và bà Trần Bảo T không đến tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án và cũng không cung cấp văn bản ý kiến hay yêu cầu gì.

Nhưng theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại Biên bản hoà giải ở khu vực P1 – phường T, bà T thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà G tổng cộng 75.000.000 đồng (bà T vay 60.000.000đ, ông N vay 15.000.000đ). Sau đó có trả lãi cho bà G từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2018, thì không khả năng trả nữa.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay và tiền lãi. Đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Qúa trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa để tham gia hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt, nên căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số nợ gốc: Theo lời khai phía nguyên đơn, bà G có cho vợ chồng ông N và bà T vay số tiền tổng cộng là 75.000.000 đồng, với lãi suất hai bên tự thoả thuận. Qua xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại Biên bản hoà giải ở khu vực P1 – phường T, bà T thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà G tổng cộng

75.000.000 đồng (bà T vay 60.000.000đ, ông N vay 15.000.000đ), sau đó có trả lãi mỗi ngày cho bà G từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2018 thì không khả năng trả nữa. Biên bản này do Tổ hoà giải khu vực P1 – phường T lập, không có ai phản đối, nên có giá trị chứng minh và mang tính khách quan. Từ đó, có cơ sở khẳng định việc bà G có cho vợ chồng ông N và bà T vay số tiền tổng cộng là 75.000.000 đồng là có thật. Do bà T và ông N không chứng minh mình đã trả được phần nào nợ gốc, nên bà G kiện yêu cầu bà T và ông N có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc 75.000.000 đồng nói trên là có cơ sở.

Mặt khác, qúa trình giải quyết vụ án, ông N và bà T không đến tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án và cũng không cung cấp văn bản ý kiến hay yêu cầu gì, cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là đã trả được một phần nợ hoặc đã trả xong hết nợ cho bà G.

Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp… Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*

Do đó, việc ông N và bà T cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi cho mình, nên ông N và bà T phải gánh chịu hậu quả pháp lý là phải chịu trách nhiệm trả số nợ vay còn thiếu theo như bà G trình bày trên đây.

[3.2] Về khoản tiền lãi: Hợp đồng vay tài sản giữa ông N và bà T với bà G nói trên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Dù bà G cho rằng khi vay, ông N và bà T có hứa sau 05 đến 06 tháng sẽ trả hế nợ nhưng bà G không có gì để chứng minh vấn đề này. Còn vay có tính lãi thì đã được phía bà T thừa nhận tại Biên bản hoà giải ở khu vực P1 – phường T (có trả lãi mỗi ngày cho bà G từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2018). Tuy nhiên, tại phiên toà bà G không yêu cầu tính tiền lãi, còn phía bị đơn thì vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, và cũng không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những cơ cở phân tích, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Bảo T và ông Lê Minh N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị G số tiền vay gồm nợ gốc 75.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, tương ứng là: 75.000.000đ x 05% = 3.750.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, nhưng do nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không đề cập xử lý.

[5] Lời phát biểu ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều: 5; 6; 26; 35; 39; 91; 92; 147; 207; 227; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357; 463; 466; 468; 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyeân xử:

1. Buộc bà Trần Bảo T và ông Lê Minh N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị G số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng *(bảy mươi lăm triệu đồng)*.

Thời gian và phương thức thanh toán do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền khi thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nói trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Bảo T và ông Lê Minh N liên đới chịu án phí là 3.750.000 đồng *(ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Kiệt